

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Bà Đỗ Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1992; nơi cư trú Tổ Đ, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Tổ T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 27-9-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống cùng gia đình anh H tại tổ T, phường B, quận Đ. Trước đây, chị và anh H chung sống đã không hòa hợp. Cách đây khoảng 02 năm, anh H đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con, từ đó chị và

anh H đã sống ly thân, chị chuyển về tổ Đ, phường N sống cùng bố, mẹ. Khoảng từ đầu năm 2019, chị được biết anh H bị bắt tạm giam tại Công an tỉnh Hòa Bình. Đến khoảng tháng 7 năm 2019, anh H bị Tòa án xử phạt tù và hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hòa Bình. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã rất trầm trọng và không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Duy B, sinh ngày 30-01-2015. Chị nhận nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 16-10-2019, anh H trình bày: Anh và chị N kết hôn năm 2013, đến năm 2015 thì sinh được một con là Nguyễn Hoàng Duy B. Thời gian đầu, cuộc sống ổn định. Vì làm ăn xa nhà, vợ chồng sống xa nhau nhưng anh vẫn chu cấp về tài chính cho vợ, con. Đến năm 2019, anh bị bắt tại tỉnh Hòa Bình. Từ đó đến nay, anh cũng có liên lạc về cho chị N và thỏa thuận về việc ly hôn do không còn tình cảm với nhau. Anh không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị N, đồng ý ly hôn chị N. Do anh đang chấp hành án phạt tù nên anh đồng ý để chị N nuôi con. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn là anh H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Anh H vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H, giao cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Duy H, cư trú tại: Tổ T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, anh H vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2014, tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 05-12-2014. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Sau khi kết hôn, chị N và anh H không có cuộc sống hạnh phúc. Anh H là người sử dụng ma túy đã nhiều năm nhưng không bỏ được. Đầu năm 2019, anh H đã thực hiện hành vi cướp tài sản tại để lấy tiền mua ma túy. Hành vi của anh H đã bị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù. Hiện nay, anh H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam công an tỉnh Hòa Bình. Cho thấy, anh H có lối sống không lành mạnh, thường xuyên vi phạm pháp luật, không làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ của một người chồng đối với vợ và người cha đối với con. Trước khi anh H bị bắt, do anh H thiếu sự quan tâm và trách nhiệm với vợ, con nên chị N và anh H cũng đã sống ly thân, chị N đã đưa con về chung sống cùng bố, mẹ đẻ của chị. Đến nay, cả chị N và anh H đều xác định không còn tình cảm với nhau và đều đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị N và anh H không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Duy B, sinh ngày 30-01-2015. Chị N nhận nuôi cháu B. Anh H đang chấp hành án phạt tù nên không thể trực tiếp nuôi con và cũng đồng ý để chị N nuôi con. Xét thấy, chị N có đủ điều kiện để nuôi con; việc giao cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị N và anh H, đảm bảo quyền lợi của cháu B theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị N, giao

cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H không có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Duy H.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Hoàng Duy B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị N và anh H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0007075 ngày 02-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường B, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường